



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

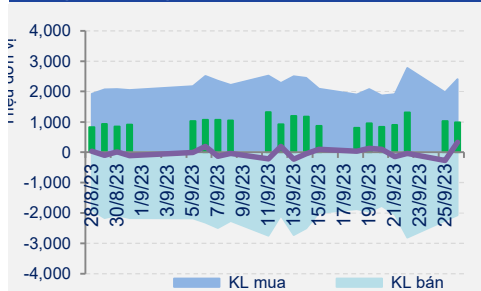
26/9/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

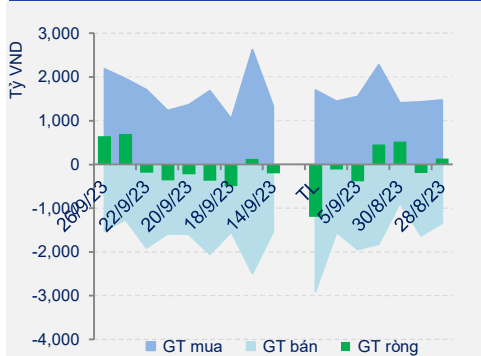
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,137.96	229.75
% Thay đổi	↓ -1.32%	↓ -0.76%
KLGD (CP)	985,709,216	127,719,521
GTGD (tỷ đồng)	23,495.66	2,710.35
Tổng cung (CP)	2,064,764,205	158,087,700
Tổng cầu (CP)	2,401,126,090	171,320,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	55,952,318	1,111,464
KL mua (CP)	77,298,990	2,559,247
GT mua (tỷ đồng)	2,178.05	51.11
GT bán (tỷ đồng)	1,526.62	23.85
GT ròng (tỷ đồng)	651.42	27.26

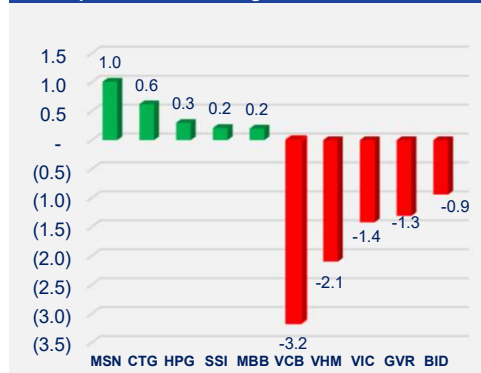
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên giảm điểm mạnh đột biến, VN-INDEX đã phục hồi trở lại vùng giá quanh 1.165 điểm trong phiên giao dịch chiều. Áp lực bán gia tăng mạnh hơn ở gần cuối phiên chiều khiến cho VN-INDEX đảo chiều và không giữ được vùng hỗ trợ 1.150 điểm, tương ứng giá thấp nhất tháng 08/2023. Kết phiên VN-INDEX giảm 15,24 điểm (-1,32%) về mức 1.137,96. HNX-INDEX giảm nhẹ hơn 1,75 điểm (-0,76%) về 229,75 điểm. Độ rộng trên sàn vẫn tiêu cực với tổng cộng 446 mã giảm giá (37 mã giảm sàn), 242 mã tăng giá (09 mã tăng trần) và 110 mã giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 23.806,6 tỷ đồng, giảm 9,1% so với áp lực bán phiên trước, tuy nhiên vẫn luân phiên ở mức cao, trên mức trung bình, thể hiện áp lực bán vẫn gia tăng ở nhiều mã, nhóm mã. Nhà đầu tư nước ngoài sau nhiều tuần bán ròng mạnh liên tiếp, tiếp tục tăng cường giao dịch, mua ròng khá mạnh trong phiên hôm nay với giá trị 650,67 tỷ đồng, trong đó mua ròng trở lại nhóm cổ phiếu thép, dịch vụ tài chính, chứng khoán; mua ròng trên HNX với giá trị 27,26 tỷ đồng.

Nhóm cổ phiếu chứng khoán sau những phiên giảm mạnh đã phục hồi trở lại bên cạnh những thông tin Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức họp bàn với các Ngân hàng lưu ký để chia sẻ và trao đổi mô hình cho giải pháp tháo gỡ vấn đề ký quỹ trước giao dịch ngày 26/09/2023, đa số phục hồi với thanh khoản thấp như MBS (+5,08%), SHS (+1,86%), SSI (+1,81%), HCM (+1,18%)... ngoài các mã vẫn chịu áp lực bán như VIX (-5,14%), VDS (-3,47%), AGR (-3,47%), PSI (-3,16%)...

Trong khi đó áp lực bán lại mở rộng sang các nhóm mã khác như nhóm mã xây dựng, đầu tư công như C69 (-9,09%), LCG (-6,92%), FCN (-6,86%), KSB (-6,78%), CII (-5,34%)... các mã thủy sản cũng chịu áp lực bán đột biến với IDI (-6,97%), ANV (-6,93%), CMX (-6,88%), MPC (-4,52%)...

Nhóm cổ phiếu bất động sản sau áp lực bán mạnh đã phân hóa trở lại, tuy nhiên đa số vẫn có diễn biến tiêu cực với nhiều mã tiếp tục giảm hết biên độ như NHA (-6,88%), HHS (-6,87%), DRH (-6,82%), TCH (-6,75%), NVL (-6,48%), DXG (-6,48%)... ngoài các mã phục hồi nhẹ, thanh khoản dưới mức trung bình với DIG (+2,73%), TDH (+0,39%)...

Các cổ phiếu ngân hàng có diễn biến ít tiêu cực hơn với các mã phục hồi, thanh khoản kém CTG (+1,68%), VIB (+1,05%), MBB (+0,83%), SSB (+0,77%)... thì đa số tiếp tục điều chỉnh, thanh khoản ở mức trung bình như NVB (-4,62%), EIB (-4,11%), LPB (-2,94%), VCB (-2,58%), NAB (+2,08%)...

Các nhóm ngành khác đa số đều có diễn biến kém tích cực trước áp lực bán hạ tỷ lệ dư nợ margin và khi VN-INDEX giảm dưới giá thấp nhất tháng 08/2023, các mã phục hồi thì với thanh khoản, khối lượng suy giảm.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2310 giảm 10,9 điểm (-20,94%), mức chênh lệch trở lại âm -1,77 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng mạnh đột biến 61,44% so với phiên trước, trong khi khối lượng mở OI không biến động. Diễn biến cho thấy các vị thế đầu cơ mua bán trong phiên gia tăng mạnh đột biến khi thị trường chung biến động mạnh. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2311, VN30F2312, VN30f2403 chênh lệch từ 2,03 điểm đến -5,37 điểm. Trong đó kỳ hạn lớn hơn VN30F2311 cao hơn kỳ hạn VN302310, cho thấy các trader nghiêng về khả năng hồi phục ngắn hạn của VN30 trong những phiên đến và kém lạc quan đối với xu hướng ở kỳ hạn lớn hơn.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



VnIndex tiếp tục xu hướng điều chỉnh mạnh dần về cuối phiên đồng thời ngưỡng hỗ trợ uptrend 1.150 đã bị vi phạm dẫn đến nguy cơ uptrend trung hạn kết thúc nếu VnIndex không sớm hồi phục. VnIndex rung lắc và tạo nền để tích lũy nội lực là động thái được kỳ vọng nhưng với nhịp điều chỉnh mạnh thủng các ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật và đe dọa xu hướng uptrend là tín hiệu rất xấu. Nếu VnIndex không ngừng giảm và hồi phục ngay trong các phiên tới thì thị trường sẽ lại cần rất nhiều thời gian để hình thành một nền tích lũy mới trước khi có xu hướng tích cực tiếp theo.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nỗ lực hồi phục trong phiên bắt thành dù Vn-Index đang tiệm cận hỗ trợ 1.150 điểm, thị trường tiếp tục xu hướng điều chỉnh mạnh dần về cuối phiên khiến cho chỉ số VnIndex đóng cửa tại 1.137,96 điểm, giảm -15,24 điểm (-1,32%) và đánh mất ngưỡng hỗ trợ trung hạn quan trọng tại 1.150 điểm. Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, thị trường vẫn đang trong nhịp điều chỉnh mạnh và việc giảm qua ngưỡng hỗ trợ trung-dài hạn 1.150 điểm cho thấy động lực suy yếu của thị trường trong ngắn hạn.

Về góc nhìn trung hạn, việc VnIndex tiếp tục giảm qua mốc hỗ trợ quan trọng 1.150 điểm khiến xu hướng uptrend của thị trường bị đe dọa. Hiện tại VnIndex vẫn còn hỗ trợ quanh 1.135 điểm (đỉnh cũ của nền tăng chặt chẽ mà chỉ số này bật lên tạo uptrend trước đây) và trong thời gian tới nếu không phục hồi trở lại trên mốc này thì uptrend sẽ kết thúc và thị trường sẽ cần nhiều thời gian để tích lũy trở lại. Trong trường hợp thị trường có nhịp hồi phục thì do biên độ dao động của nhịp điều chỉnh vừa qua là lớn nên thị trường cũng vẫn cần thêm thời gian để ổn định trở lại.

Động lực của thị trường trong ngắn hạn đang suy yếu nhanh với nhịp điều chỉnh mạnh. Nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục tranh thủ các nhịp hồi phục kỹ thuật để giảm tỷ trọng xuống mức an toàn. Nhà đầu tư trung, dài hạn thì thị trường tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và theo dõi diễn biến thị trường.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 26/9/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	46.10	43-45	55-57	41	11.6	-27.2%	-62.6%	Theo dõi chờ giải ngân
PVP	13.70	11.5-13	15.5-16	12	4.4	8.3%	235.8%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	46.70	46-48	57-59	43	7.1	-54.5%	136.4%	Theo dõi chờ giải ngân
BSR	20.81	19.5-21	25.5-26	18	13.0	-35.7%	-86.8%	Theo dõi chờ giải ngân
BVS	25.00	24-25.6	29-30	22	9.7	1.2%	415.3%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	20.70	18.5-20	24-25	17.5	20.0	-21.8%	2.6%	Theo dõi chờ giải ngân
VHM	45.00	43.5-46	61-63	41	4.4	634.5%	1348.3%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	63.0	51.8	73-74	66	21.6%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	76.1	72.95	87-89	78	4.3%	Nắm giữ



TIN DOANH NGHIỆP

CNG ước doanh thu 9 tháng giảm 27%

Theo đó, CNG thông báo doanh thu 9 tháng năm 2023 ước đạt 2,37 ngàn tỷ đồng, tương ứng 93% kế hoạch 9 tháng, thấp hơn cùng kỳ 27%. Sản lượng tiêu thụ CNG (khí thiên nhiên nén) ước gần 186 triệu m³, đạt 87% kế hoạch

NVL đang thương lượng giãn nợ trái phiếu quốc tế gần 300 triệu USD

CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va cho biết đang thương lượng với trái chủ nước ngoài về phương án tái cơ cấu cho khoản nợ trái phiếu 298,6 triệu USD trong gói trái phiếu chuyển đổi quốc tế, không có tài sản đảm bảo, niêm yết tại Singapore. NVL đã trao đổi với nhóm trái chủ về những khó khăn trong thanh khoản dẫn đến chưa thể hoàn thành đúng hạn nghĩa vụ trả lãi 7,8 triệu USD. Theo đó, NVL đã và đang đề xuất, thương lượng với nhóm trái chủ Ad Hoc Group về phương án tái cơ cấu cho khoản nợ trái phiếu này phù hợp với khả năng hiện tại và lộ trình khôi phục hoạt động kinh doanh của Công ty với sự tư vấn của các đơn vị tư vấn quốc tế và trong nước như Deloitte, Sidley Austin LLP và YKVN.

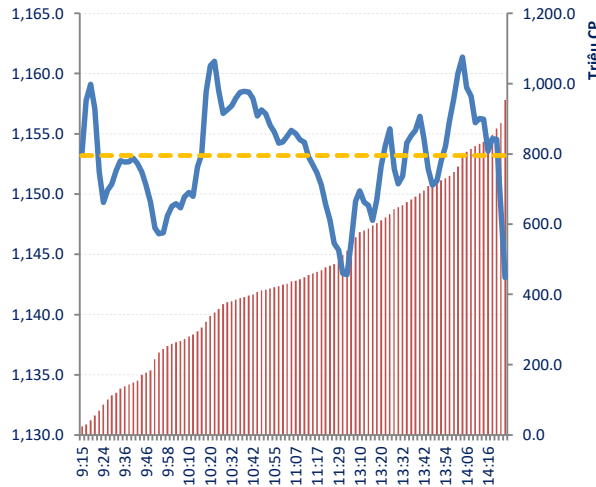
CMG vừa phát hành cổ phiếu thưởng, vừa trả cổ tức bằng tiền và cổ phiếu

CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC thông báo về kế hoạch trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 6% và bằng cổ phiếu tỷ lệ 6%, bên cạnh phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 20,2%. Sau phát hành, CMG tăng vốn điều lệ từ hơn 1.500 tỷ đồng lên hơn 1.900 tỷ đồng.

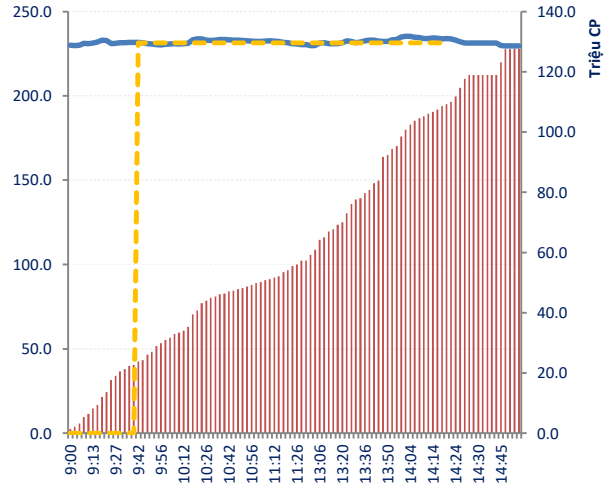


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

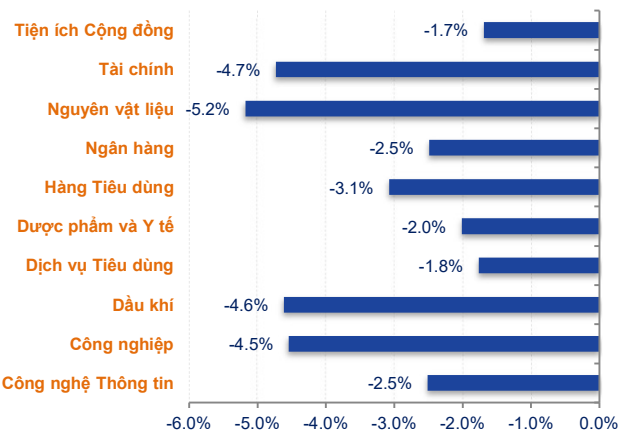
KLGD và VN-Index trong phiên



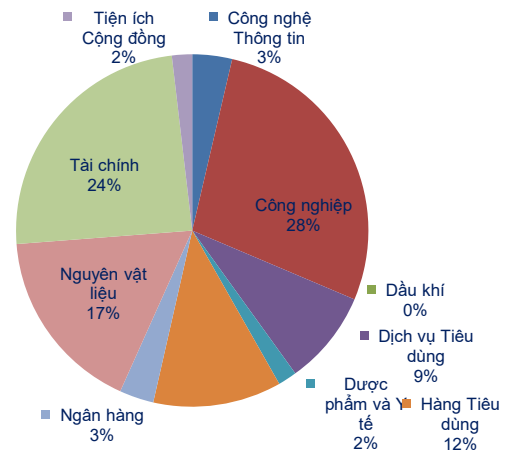
KLGD và HNX-Index trong phiên



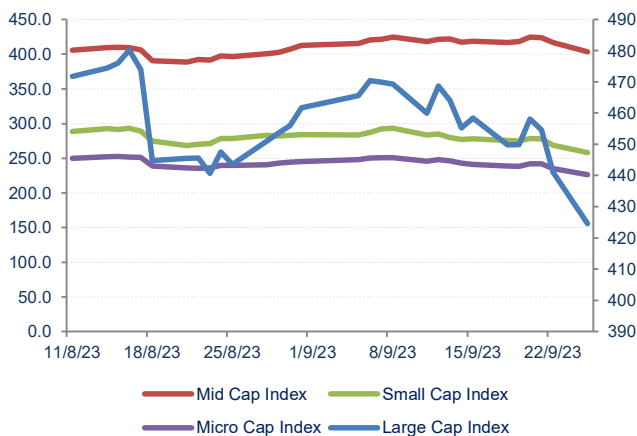
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



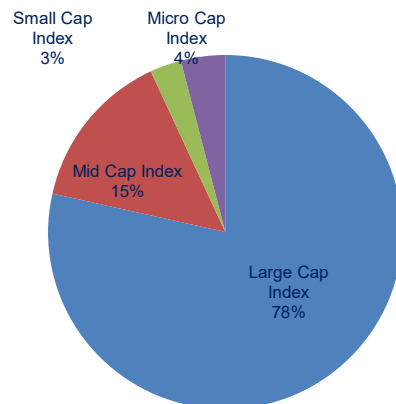
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	5,966,638	FUESSVFL	6,380,700	1	HUT	1,712,216	SHS	307,158
2	SSI	4,274,099	GVR	2,475,200	2	TNG	167,708	PVS	102,585
3	VIX	1,346,950	VND	1,537,155	3	CEO	37,546	NVB	102,100
4	HHV	1,246,900	HDB	1,250,799	4	VIG	33,000	MBS	46,200
5	VPB	1,173,800	STB	964,994	5	API	31,000	PVI	38,100

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.00	10.80	↓ -1.82%	67,868,367	SHS	16.10	16.40	↑ 1.86%	38,979,168
VIX	16.55	15.70	↓ -5.14%	56,084,707	CEO	21.60	20.70	↓ -4.17%	11,109,817
VND	21.00	20.65	↓ -1.67%	40,831,100	HUT	20.70	21.10	↑ 1.93%	7,153,255
SSI	30.35	30.90	↑ 1.81%	38,722,103	MBS	19.70	20.70	↑ 5.08%	6,428,795
NVL	16.20	15.15	↓ -6.48%	33,769,800	PVS	35.60	36.10	↑ 1.40%	5,758,159

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LEC	7.00	7.49	0.49	↑ 7.00%	CMS	31.40	34.50	3.10	↑ 9.87%
CLW	31.05	33.20	2.15	↑ 6.92%	SFN	20.60	22.60	2.00	↑ 9.71%
L10	19.65	21.00	1.35	↑ 6.87%	LBE	14.70	16.10	1.40	↑ 9.52%
HRC	48.75	52.00	3.25	↑ 6.67%	TJC	10.80	11.80	1.00	↑ 9.26%
HSL	7.69	8.20	0.51	↑ 6.63%	VNT	47.10	51.40	4.30	↑ 9.13%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
APG	10.15	9.44	-0.71	↓ -7.00%	TKG	9.00	8.10	-0.90	↓ -10.00%
DXS	9.58	8.91	-0.67	↓ -6.99%	GDW	36.30	32.70	-3.60	↓ -9.92%
TCO	12.15	11.30	-0.85	↓ -7.00%	LDP	14.40	13.00	-1.40	↓ -9.72%
PSH	11.45	10.65	-0.80	↓ -6.99%	VCC	12.40	11.20	-1.20	↓ -9.68%
PTL	6.02	5.60	-0.42	↓ -6.98%	VC7	22.90	20.70	-2.20	↓ -9.61%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	67,868,367	17.7%	2,183	5.0	0.8
VIX	56,084,707	7.0%	839	19.7	1.3
VND	40,831,100	3.9%	467	45.0	1.7
SSI	38,722,103	7.3%	1,093	27.8	2.1
NVL	33,769,800	-1.3%	(295)	-	0.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	38,979,168	4.3%	507	31.7	1.3
CEO	11,109,817	7.7%	935	23.1	1.8
HUT	7,153,255	1.3%	131	158.6	4.8
MBS	6,428,795	10.0%	1,037	19.0	1.8
PVS	5,758,159	7.2%	1,953	18.2	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LEC	↑ 7.0%	-4.6%	(726)	-	0.4
CLW	↑ 6.9%	24.0%	4,515	6.9	1.6
L10	↑ 6.9%	6.8%	1,771	11.1	0.8
HRC	↑ 6.7%	1.8%	327	149.2	2.7
HSL	↑ 6.6%	2.8%	339	22.7	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CMS	↑ 9.9%	1.1%	129	243.3	2.9
SFN	↑ 9.7%	11.7%	2,924	7.0	0.8
LBE	↑ 9.5%	8.3%	928	15.8	1.3
TJC	↑ 9.3%	23.2%	3,758	2.9	0.7
VNT	↑ 9.1%	-7.8%	(1,153)	-	3.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	5,966,638	-2.0%	(328)	-	1.5
SSI	4,274,099	7.3%	1,093	27.8	2.1
VIX	1,346,950	7.0%	839	19.7	1.3
HHV	1,246,900	3.6%	954	16.3	0.6
VPB	1,173,800	11.1%	1,728	11.8	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	1,712,216	1.3%	131	158.6	4.8
TNG	167,708	15.5%	2,372	8.4	1.3
CEO	37,546	7.7%	935	23.1	1.8
VIG	33,000	6.9%	487	17.7	1.2
API	31,000	6.3%	721	8.5	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	499,106	23.0%	5,797	15.4	3.3
BID	228,139	19.0%	4,025	11.2	2.0
GAS	205,558	20.3%	5,567	16.1	3.0
VHM	204,655	29.1%	10,341	4.5	1.2
VIC	177,348	3.9%	1,395	33.3	1.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	18,475	1.3%	131	158.6	4.8
PVS	17,016	7.2%	1,953	18.2	1.3
IDC	15,345	20.7%	3,969	11.7	2.5
THD	13,475	2.9%	458	76.4	2.2
SHS	13,092	4.3%	507	31.7	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	3.67	-0.4%	(63)	-	0.7
AGM	3.49	-50.2%	(10,382)	-	0.5
LDG	3.02	-5.5%	(693)	-	0.3
PIT	3.01	0.5%	45	157.3	0.8
GEX	2.87	1.6%	385	53.5	0.8

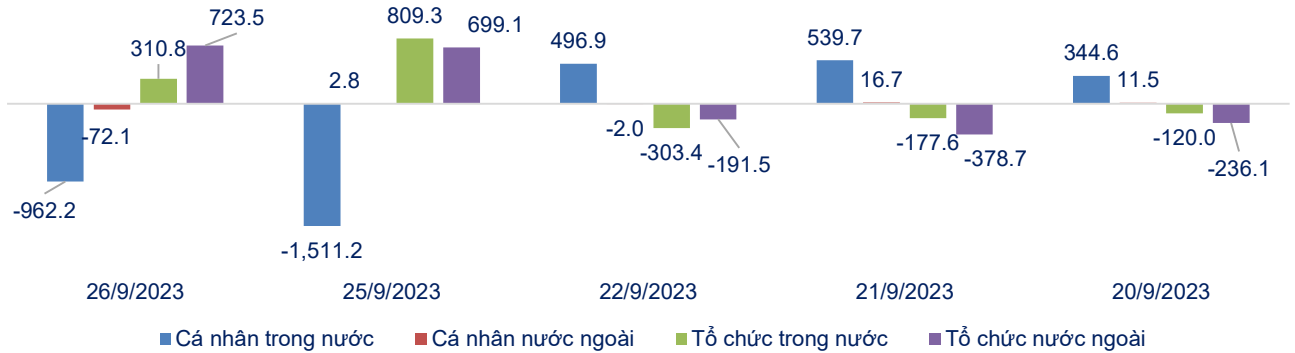
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
AAV	0.00	-1.4%	(169)	-	0.4
CAG	0.00	2.6%	276	28.6	0.7
CIA	0.00	27.1%	4,418	2.3	0.6
DTD	0.00	20.5%	5,137	4.8	0.9
IDC	0.00	20.7%	3,969	11.7	2.5



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VSC	128.24	5.8%	1,370	20.4	1.2
GEX	59.92	1.6%	385	53.5	0.8
HDB	50.44	20.3%	2,765	6.3	1.2
VJC	47.66	-14.1%	(4,026)	-	3.6
GVR	41.26	5.3%	714	28.5	1.5

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-164.87	-2.0%	(328)	-	1.5
SSI	-125.84	7.3%	1,093	27.8	2.1
MBB	-66.01	22.3%	3,496	5.2	1.1
CTG	-55.05	15.8%	3,664	8.1	1.2
MWG	-53.09	6.6%	1,069	47.7	3.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
POW	8.51	4.2%	602	19.6	0.8
NVL	4.18	-1.3%	(295)	-	0.7
ITA	3.51	-2.6%	(288)	-	0.5
VPB	3.26	11.1%	1,728	11.8	1.3
SKG	2.76	8.9%	1,217	12.9	1.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GVR	-54.72	5.3%	714	28.5	1.5
VND	-18.25	3.9%	467	45.0	1.7
SSI	-8.18	7.3%	1,093	27.8	2.1
HPG	-7.61	-2.0%	(328)	-	1.5
VNM	-4.27	23.9%	3,937	19.7	4.4

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSVFL	116.46	N/A	N/A	N/A	N/A
MWG	91.11	6.6%	1,069	47.7	3.2
MBB	66.38	22.3%	3,496	5.2	1.1
CTG	50.99	15.8%	3,664	8.1	1.2
ACB	40.48	24.1%	4,506	4.9	1.4

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VSC	-131.66	5.8%	1,370	20.4	1.2
GEX	-61.82	1.6%	385	53.5	0.8
DGC	-45.86	36.6%	10,780	8.5	3.0
VJC	-45.58	-14.1%	(4,026)	-	3.6
HDB	-28.89	20.3%	2,765	6.3	1.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	164.56	-2.0%	(328)	-	1.5
SSI	142.88	7.3%	1,093	27.8	2.1
DGC	77.16	36.6%	10,780	8.5	3.0
VCB	29.10	23.0%	5,797	15.4	3.3
VIC	23.09	3.9%	1,395	33.3	1.3

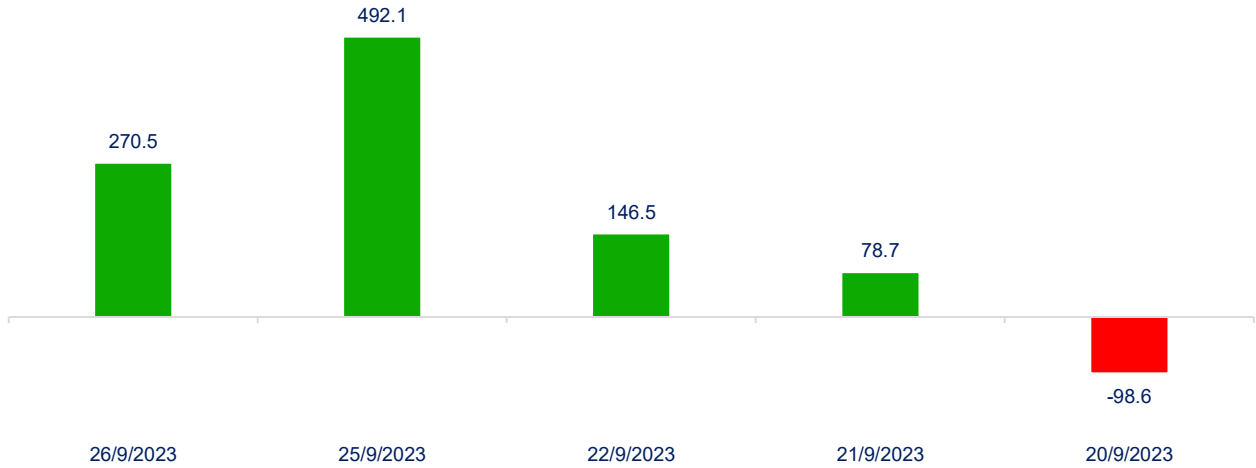
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSVFL	-117.68	N/A	N/A	N/A	N/A
MWG	-39.14	6.6%	1,069	47.7	3.2
STB	-29.61	17.2%	3,601	8.8	1.4
HDB	-21.49	20.3%	2,765	6.3	1.2
VND	-15.58	3.9%	467	45.0	1.7

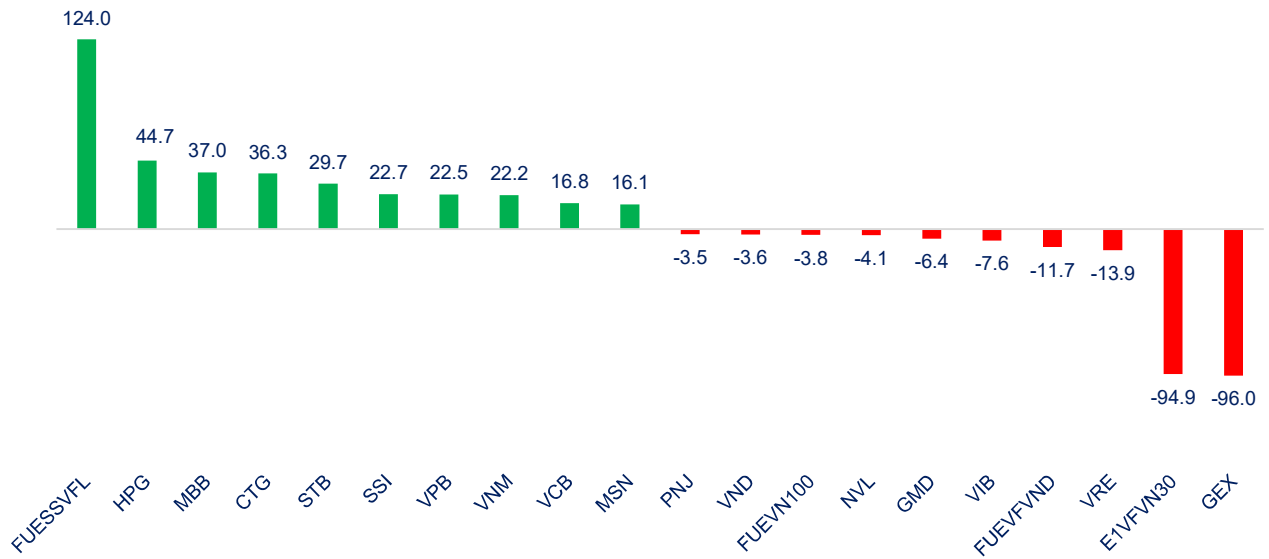


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn